TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/DS-ST
Ngày 09/6/2023
(V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Huy Mân;
2. Ông Nguyễn Văn Hiền;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Vào các ngày 05 và 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 577/2022/TLST- DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2023/QĐXXST-DS ngày 27/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S *(*S1*). Địa chỉ:* Số B, đường N, phường H, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D *– Chức vụ: Tổng Giám đốc* Ngân hàng S1.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn G *- Chức vụ: Giám Đốc* Ngân Hàng TMCP S *–* Chi Nhánh T *theo giấy ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021 của Tổng Giám Đốc* Ngân hàng thương mại cổ phần S *về việc ủy quyền ký hợp đồng thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng.*

Ủy quyền lại cho: Ông Trương Minh N *– Chức vụ: Phó phòng giao dịch* C *–* Chi nhánh tỉnh T*. Địa chỉ:* Quốc lộ A, khu phố A, phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang *(có mặt).*

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1965;

2.2. Bà Trần Thị Bé N1, sinh năm 1966. Cùng địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (cùng có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Văn N2, sinh năm 1986;

3.2. Ông Trần Dàng L, sinh năm 1996. Cùng địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày ghi ngày 26/9/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại cổ phần S ủy quyền cho ông Trương Minh N đại diện trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S có cho ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 vay các khoản tiền sau:

1. Khoản vay sửa chữa nhà và mua sắm vật dụng gia đình:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số LD1722700028 ký ngày 15/08/2017 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh T với ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1, theo đó Ngân hàng cho ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 vay số tiền 80.000.000 đồng như sau:

- Ngày vay: 18/08/2017
- Thời hạn vay: 05 năm
- Phương thức trả nợ: Vốn trả hàng 06 tháng. Lãi trả hàng tháng theo dư nợ giảm dần.
- Ngày đáo hạn: 18/08/2022
- Lãi suất: 11%/năm, điều chỉnh theo Hợp đồng tín dụng
- Mục đích: sửa chữa nhà và mua sắm vật dụng gia đình
- Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng thửa đất số: 236, tờ bản đồ số: 13, diện tích: 621m^2, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn: 300m^2; đất trồng cây lâu năm: 321m^2, đất tọa lạc tại: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: AC 022176, số vào sổ cấp giấy: H00065 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 18/10/2005 cho hộ ông Trần Văn Đ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD1722700028 chứng nhận ngày 17/8/2017 tại phòng C tỉnh Tiền Giang.

Trong quá trình vay vốn từ ngày 18/08/2017, ông Trần Văn Đ và bà Trần Thi Bé N1 đã thanh toán vốn, lãi theo Hợp đồng đến ngày 15/07/2021, kể từ đó đến nay ngưng không thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở tạo điều kiện nhưng ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Quá trình vay vốn ông Trần Văn Đ và bà Trần Thi Bé N1 đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền vốn là 56.000.000 đồng, tiền lãi là 21.266.283 đồng.

Tính đến ngày 05/06/2023 (ngày xét xử), ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 24.000.000 đồng, tiền lãi theo hợp đồng 1.916.248 đồng, tiền lãi quá hạn 5.575.068 đồng và tiền lãi chậm trả 281.489 đồng. Tổng cộng là 31.772.805 đồng.

2. Khoản vay Thẻ tín dụng:

Ngày 14/06/2019, bà Trần Thi Bé N1 có ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần S Chi nhánh T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà Trần Thị Bé N1, Ngân hàng đã đồng ý cấp cho bà Trần Thị Bé N1 thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tính đến ngày Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn (ngày 22/07/2021), bà Trần Thị Bé N1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 25.700.000 đồng, tiền lãi là 9.251.462 đồng, tiền phí là 1.507.424 đồng, tính đến ngày 22/07/2021, bà Trần Thi Bé N1 đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng là 14.421.000 đồng (trong đó: tiền vốn là 5.509.613 đồng, tiền lãi và phí là 8.911.387 đồng), kể từ đó đến nay, bà Trần Thị Bé N1 ngưng không thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở tạo điều kiện nhưng bà Trần Thị Bé N1 vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do bà Trần Thị Bé N1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 22/07/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 26 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 05/06/2023 (ngày xét xử), bà Trần Thị Bé N1 còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Dư nợ quá hạn: 22.037.886 đồng, lãi quá hạn: 15.428.287 đồng. Tổng cộng: 37.466.173 đồng.

- Tài sản đảm bảo: Khách hàng vay tín chấp nên không có tài sản đảm bảo.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 trả cho Ngân hàng số tiền 31.772.805 đồng theo hợp đồng tín dụng số LD1722700028 ký ngày 15/08/2017. Trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 phải trả cho Ngân hàng số tiền 37.466.173 đồng theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 14/06/2019 giữa bà Trần Thị Bé N1 với Ngân hàng. Trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày 06/6/2023 nếu ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 không thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì còn phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ còn thiếu.

4. Nếu ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 không thực hiện việc trả nợ, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy tuyên cho Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân Hàng.

**** Tại phiên tòa ông Trần Văn Đ trình bày:***

- Ông và bà Trần Thị Bé N1 đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền 31.772.805 đồng theo hợp đồng tín dụng số LD1722700028 ký ngày 15/08/2017. Trả tiền một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 06/6/2023 nếu ông và bà Trần Thị Bé N1 không thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì đồng ý tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ còn thiếu và đồng ý xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng.

- Ông không đồng ý cùng bà Trần Thị Bé N1 trả cho Ngân hàng số tiền 37.466.173 đồng theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 14/06/2019 giữa bà Trần Thị Bé N1 ký với Ngân hàng vì đây là khoản vay tín chấp giữa bà Trần Thị Bé N1 và Ngân hàng không liên quan gì đến ông và không đồng ý xử lý tài sản thế chấp để trả nợ riêng của bà Trần Thị Bé N1.

**** Tại phiên tòa bà Trần Thị Bé N1 trình bày:***

- Bà đồng ý cùng ông Trần Văn Đ trả cho Ngân hàng số tiền 31.772.805 đồng theo hợp đồng tín dụng số LD1722700028 ký ngày 15/08/2017. Trả tiền một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 06/6/2023 nếu bà và ông Trần Văn Đ không thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì đồng ý tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ còn thiếu và đồng ý xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng.

- Sau khi ký hợp đồng tín dụng số LD1722700028 ngày 15/08/2017, do có nhu cầu thêm tiền nên bà có liên hệ Ngân hàng mở thêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 14/06/2019, đây là khoản vay tín chấp giữa bà và Ngân hàng không liên quan gì đến ông Trần Văn Đ và các con nên bà đồng ý trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng.

***** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, toàn bộ các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện, thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng ông Trần Văn N2 và ông Trần Dàng L vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N2 và ông Trần Dàng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa

nhưng vắng mặt lần thứ 2, không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

[3] Xét Ngân hàng yêu cầu ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 trả cho Ngân hàng số tiền 31.772.805 đồng theo hợp đồng tín dụng số LD1722700028 ký ngày 15/08/2017, Hội đồng xét xử nhận thấy:

3.1. Quan hệ cho vay tiền giữa Ngân hàng và ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 có lập thành văn bản là hợp đồng tín dụng số LD1722700028 ký ngày 15/08/2017, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự, nên được pháp luật công nhận.

3.2. Ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 đã nhận đủ tiền vay nhưng không thực hiện đúng cam kết trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Tính đến ngày 05/6/2023 (ngày xét xử) ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 còn nợ số tiền 31.772.805 đồng (có bảng kê kèm theo) nên Ngân hàng yêu cầu ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 có nghĩa vụ trả tiền còn nợ ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.3. Về tiền lãi: Xét Ngân hàng yêu cầu kể từ ngày 06/6/2023 nếu ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 không thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì còn phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ còn thiếu là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

3.4. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Xét hợp đồng thế chấp số LD1722700028 đối với thửa đất số: 236, tờ bản đồ số: 13, diện tích: 621m^2, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn: 300m^2; đất trồng cây lâu năm: 321m^2, tọa lạc tại: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: AC 022176, số vào sổ cấp giấy: H00065 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 18/10/2005 cho hộ ông Trần Văn Đ với Ngân hàng đã tuân thủ theo đúng trình tự thủ tục của pháp luật nên được công nhận. Do đó, Nếu bà N1, ông Đ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền kê biên, bán tài sản thế chấp để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

[4] Xét Ngân hàng yêu cầu ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 trả số tiền 37.466.173 đồng theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 14/06/2019 giữa Ngân hàng bà Trần Thị Bé N1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

4.1. Tại phiên tòa Ngân hàng và bà Trần Thị Bé N1 thừa nhận: "Sau khi ký hợp đồng tín dụng số LD1722700028 ký ngày 15/08/2017. Ngày 14/06/2019, bà Trần Thị Bé N1 có ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần S Chi nhánh T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà Trần Thị Bé N1, Ngân hàng đã đồng ý cấp cho bà Trần Thị Bé N1 thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Bà Trần Thị Bé N1 vay tín chấp nên không có tài sản đảm bảo, khi làm thủ tục vay vốn với Ngân hàng không có ông Trần Văn Đ và các con ký vào nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là khoản vay tín chấp của cá nhân bà Trần Thị Bé N1 với ngân hàng". Tại phiên tòa ông Trần Văn Đ không đồng ý cùng bà Trần Thị Bé N1 trả tiền cho Ngân hàng nên yêu cầu ông Trần Văn Đ phải có nghĩa vụ cùng bà Trần Thị Bé N1 trả tiền choNgân hàng không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

4.2. Bà Trần Thị Bé N1 đã nhận đủ tiền vay nhưng không thực hiện đúng cam kết trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự. Tính đến ngày 05/6/2023 (ngày xét xử) bà Trần Thị Bé N1 còn nợ số tiền 37.466.173 đồng (có bảng kê kèm theo) nên buộc bà Trần Thị Bé N1 phải có nghĩa vụ trả tiền còn nợ, trả tiền ngay khi án có hiệu lực.

4.3. Về tiền lãi: Xét Ngân hàng yêu cầu kể từ ngày 06/6/2023 nếu bà Trần Thị Bé N1 không thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì còn phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ còn thiếu là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

4.4. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Xét hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 14/06/2019 giữa Ngân hàng với bà Trần Thị Bé N1 là hợp đồng tín chấp nhưng Ngân hàng căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 trong hợp đồng thế chấp số LD1722700028 đối với thửa đất số: 236, tờ bản đồ số: 13, diện tích: 621m^2, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn: 300m^2; đất trồng cây lâu năm: 321m^2, đất tọa lạc tại: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: AC 022176, số vào sổ cấp giấy: H00065 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 18/10/2005 cho hộ ông Trần Văn Đ để yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, thu hồi nợ cho Ngân hàng trong trường hợp bà Trần Thị Bé N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là không có căn cứ, không phù hợp quy định pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông Trần Văn N2 và ông Trần Dàng L vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi của việc từ chối tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Trường hợp có tranh chấp về quyền lợi, nghĩa vụ thì tự thỏa thuận với nhau hoặc yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thực hiện nghĩa vụ cho Ngân hàng theo quy định tại Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

1. Buộc ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 31.772.805 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 06/6/2023, nếu ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 không thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng ký ngày 15/8/2017 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

Ngân hàng xóa thế chấp và trả lại cho ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: AC 022176, số vào sổ cấp giấy: H00065 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 18/10/2005 cho hộ ông Trần Văn Đ ngay khi ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Nếu ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền kê biên, bán tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD1722700028 đối với thửa đất số: 236, tờ bản đồ số: 13, diện tích: 621m^2, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn: 300m^2; đất trồng cây lâu năm: 321m^2, đất tọa lạc tại: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: AC 022176, số vào sổ cấp giấy: H00065 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 18/10/2005 cho hộ ông Trần Văn Đ để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc bà Trần Thị Bé N1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 37.466.173 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 06/6/2023, nếu bà Trần Thị Bé N1 không thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 14/6/2019 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

3. Về án phí: Ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Bé N1 phải chịu 1.589.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị Bé N1 phải chịu 1.873.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S 795.000 đồng tiền tạm ứng án

phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016885 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HÀ VĂN PHÚC